

PHẬT-GIÁO H()I

ASSOCIATION BOUDDHIQUE:



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Báo-Số
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tế Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 —

THƯ VIỆN
Số: 0 \$ 03 VN
* VAN HANH *
SDK

KÍNH TRÌNH CÁC NGÀI ĐẠI-LÝ BẢN BÁO « ĐUỐC TUỆ »

Xin các ngài làm cho một bản kết toán từ số 1 đến số 7 xe m số nào bán được bao nhiêu, còn lại bao nhiêu ; bán được bao nhiêu thì xin gửi tiền về cho, mà còn lại bao nhiêu thì xin gửi báo về cho, cảm ơn.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua. Xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

Tin làng báo

Ích-Hữu Tuần-Báo. — Số 1 sẽ ra ngày 25 Février mỗi số 5 xu — nửa năm : 1 \$ 25 — cả năm : 2 \$ 50. Mua Ích-Hữu Tuần-Báo lệ trả tiền trước, Thư và mandat gửi về : Báo-quán 93, Rue du Coton, Hanoi.

TÔN-CHỈ ĐẠO PHẬT

(Tiếp theo)

NGUỜI ta sở dĩ không giác-ngộ được là vì vật-dục làm mê-hoặc, mà sở-dĩ bị vật-dục làm mê-hoặc là bởi ba điều huân, tập, nhiễm, 熏習染 mà thành ra. Thế nào là huân, huân là ướp lấy, bắt lấy mùi, ví như đã biết vị ngon thì thêm, đã biết vẻ đẹp thì mến. Thế nào là tập, tập là thêm mến dần dần, rồi hóa ra quen, ví như nghiện chè, nghiện rượu, đến nỗi không có không chịu được. Thế nào là nhiễm, nhiễm nghĩa là nhuộm, sau khi đã tập quen, thì những điều thêm mến nhuộm thấm vào người, không sao đời bỏ được, ví như một tấm lụa mộc, đem nhuộm đỏ thì đỏ, nhuộm đen thì đen, mà cái bản sắc trắng mất hẳn. Khi đã huân tập nhiễm, thì hóa ra chấp, chấp là cầm lấy, giữ lấy, nắm chắc lấy, bám vững lấy, ví như nắm cửa ra nữa, cho như là cửa riêng của mình, mắt thấy, tai nghe thấy, là có nhãn chấp, tai đã nghe thấy, là có nhĩ chấp, mũi đã ngửi thấy, là có tị chấp, lưỡi đã nếm thấy, là có thiệt chấp, thân đã cảm-súc thấy, là có thân chấp, tâm đã nghĩ thấy, là có ý chấp, khi mỗi một căn, có một chấp, tựa như con đười-ươi khư khư giữ ống, người ta tự mình lại buộc lấy mình mà khó lòng rời rạc nữa. Chấp có hai thứ : Một thứ là ngã chấp, 我執 là hết thầy cái gì ở trong, thuộc về thể phách cử động, đều cho là thực có cả. Một thứ là ngoại chấp, 外執 là hết thầy cái gì ở ngoài, hoặc hình, hoặc tướng, hoặc không hình, hoặc không tướng, hành, hoặc bất hành, ý trong cõi mê không biết đường lối mà bước ra.

(1) Ngũ-trần là lục-trần mà bỏ bớt một chấp, ngũ-trần.

với ngũ-căn ; (1) thụ là sau khi đã súc-tiếp với ngũ-trần thì những hiện cảnh ở trước mặt, đều lĩnh nạp vào trong tri-não cả ; tuồng là sau khi đã lĩnh nạp những hiện-cảnh, thì hoặc tham muốn, hoặc chán ghét, những điều ấy cứ vẫn-vơ quẩn-quít ở trong lòng người ta ; hành là sau khi những sự tưởng-tượng của người, đã thiên lệch về mặt nào thì cứ cầm đầu cầm cổ về mặt ấy, mới thành ra có những sự tạo-tác, nghĩa là đem điều nghĩ ngợi, đo lường, lo toan, suy tính, rồi tìm mưu, kiếm kế, để thi thố ra việc làm ; thức là khi có sắc, thụ, tuồng, hành, bốn cái này hợp lại gây nên một cái vọng thức, rồi cái vọng thức này, lại đứng làm chủ-tể, cầm leo giữ nọc cho bốn cái trên này. Cái vọng-thức này tức là ý, căn, đứng sau ngũ-căn, làm cho người bao giờ cũng nương tựa vào ngũ căn, bám víu vào ngũ-căn, gây nên ba thứ tội-nghiệp là thân, khẩu, ý. 身口意 Cái vọng-thức này lại đứng trước cái biệt-thức hay là ngũ-thức, tức là mặt-na thức 末那識 ở trong bát-thức, (2) làm cho người ta huân thì huân mãi, tập thì tập mãi, nhiễm thì nhiễm mãi thanh ra có hết thấy các thứ sai-biệt tướng, (3) 差別相 nghĩa là có mê mới có vọng-thức, mà có vọng-thức, thì mê mới thật là mê, mê mà không tự biết là mê nữa. Năm thứ này, ngầm-ngấm âm thầm gom góp chông chất ở trong tâm trí người ta như sếp từng hòn đá lâu ngày thành một quả núi to, đủ từng gáo nước, lâu ngày thành một vũng nước sâu, bởi thế mới gọi là uẩn, uẩn là uẩn-tàng, là uẩn-súc, tức là cái kho chứa nhân-dục của người ta vậy.

Sơ-gi xét cho kỹ, nếu bảo là vì mê cho nên không giác, thì mê là cái gì mê, có phải là tâm người ta mê không ? Nếu bảo là tâm mê thì mê tâm và giác tâm, tất phải có hai tâm, làm sao lại nói là chúng-sinh tâm tức Phật tâm ? Nếu bảo là tâm không mê, thì Phật với chúng-sinh vốn là một tâm, sao chúng-sinh không thành Phật cả, mà lại còn có chúng-sinh ?

(1) Ngũ-căn là lục-căn mà bỏ bớt một ý-căn.

(2) Bát-thức là lục-căn-thức thêm vào hai thứ thức nữa là mặt-na-thức và s-lợi-đa-thức. (Tạng thức).

(3) Sai biệt tướng là những hiện tướng ở ngoài, vì sự vọng-hoặc mà phân-biệt

Nay xin theo đúng tôn-chỉ nhà Phật mà trả lời một cách minh-bạch quả-quyết-rắng : tâm người ta không bao giờ mê, nếu có mê là tâm tướng mê, kỳ thực cái tâm thể vốn sáng-suốt trong-sạch không bao giờ mê cả. Trong bộ Đại-thặng khởi-tín luận có nói rằng : « như đại-hải-thủy, nhân-phong ba động, nhược phong chỉ duyệt, tắc động-tướng duyệt, chủng-sinh tự tĩnh thanh-tĩnh tâm, nhân vô minh phong động, nhược vô minh duyệt, tắc tướng-tục duyệt. » 如大海水, 因風波動, 若風止滅, 則動相滅, 衆生自性清淨心, 因無明風動, 若無明滅, 則相續滅. Nghĩa là ví như nước ở bể, vì có gió, nước có sóng, nếu gió tắt, thì sóng tắt; lòng chủng-sinh ngay từ bản-tĩnh, vốn là trong-sạch, vì có vô-minh thành ra vọng-động, nếu vô-minh dứt thì lòng người bình-tĩnh mà sáng rõ ra. Xem như thế thì lòng người ví như nước bể, vì có cái gió vô-minh nó khuấy động thành ra có sóng, sóng tức là động-tướng của tâm, chứ cái tĩnh-thể của tâm, bao giờ cũng thế, nếu không có gió, tức là không có vô-minh, thì nước lại im lặng, bởi vì tĩnh-thể không bao giờ thay đổi cả. Theo như nghĩa trên này, thì tâm-thể vốn không mê, khi nào mê là tâm-tướng mê, mê là bởi vô-minh như nước có sóng là bởi gió vậy.

Trong sách có nói rằng : « Sở vị giác nghĩa giả, tâm thể ly niệm » 所謂覺義者心體離念, nghĩa là thể nào gọi là giác, giác là giữ được tâm-thể sáng-suốt, mà lia bỏ những vọng-niệm. Lại nói rằng : « y bản giác cố nhi hữu bất giác, y bất giác cố, thuyết hữu thủy giác » 依本覺故而有不覺依不覺故說有始覺. Nghĩa là bản thể của tâm vốn là giác, vì luân tập nhiễm chấp, thành ra bất giác; vì có bất giác cho nên mới nói là có thủy giác. Bản giác là tự-tĩnh thanh tĩnh, tức là cái thể bản-nhiên của người; bất giác là làm mê mất cái tự-tĩnh thanh tĩnh, thủy giác là tìm đường giác ngộ, để trở lại cái tự-tĩnh thanh tĩnh như lúc sở thủy; cho nên trong bộ Đại-thặng khởi-tín có nói rằng : « dĩ thủy-giác giả, tức đồng bản giác » 以始覺者即同本覺. Nghĩa là ai mà giác ngộ được để trở lại cái bản-thủy của mình, tức là trở lại cái bản giác. Xem như thế thì bản giác là gọi cái tâm trước khi chưa mê, thủy giác là gọi cái tâm lại giác

ngộ lại sau khi đã mê, vì cái bản giác bị mê, cho nên phải cần đến cái thủy giác, để phá tan cái mê, cái mê tức là cái vô-minh, mà vô minh tức những điều tà dục vọng hoặc đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần ở trên này vậy.

Nay cứ theo như lẽ vừa nói đây, mà định rõ nghĩa chữ giác, thiết tưởng ai ai cũng có thể nhận ra được. Giác chỉ là một vị tương-đối với mê, mê là lúc nằm ngủ chiêm bao, giác là lúc bừng con mắt tỉnh ra, không phải là một sự viên vọng gì.

(Còn nữa)

BÙI-KỶ

ĐỨC ĐỊA-TẠNG BỒ-TÁT

地 藏 菩 薩

Tên hiệu của Bồ-tát nguyên tiếng phạn là *Khất-soa-đề-nghiệt-sa* 乞叉底蘂沙 (Ksitigarbha), *Địa-tạng* là nghĩa dịch. Nghĩa là Ngài yên-nhãn bất-động cũng như tú chứa đồ báu (tạng 藏), vì thế gọi Ngài là Địa-tạng 地藏.

Đức Địa-tạng Bồ-tát Ngài vốn ở trên cung giới Đạo-lị, Ngài phát nguyện có câu rằng :

Địa-ngục vị không, thế bất thành Phật,

地 獄 未 空 誓 不 成 佛

Chung-sinh tận độ, phương chứng bồ-đề.

衆 生 盡 度 方 證 菩 提

Các chốn địa-ngục chưa bỏ không, ta đây chưa thành Phật.

Bao giờ ta độ hết mọi loài chung-sinh, ta mới chứng đạo bồ-đề.

Ấy vì Địa-tạng Bồ-tát có lòng đại-từ, đại-từ, lân-mẫn chúng sinh, quyết thề cứu-vớt cho hết thầy như thế, nên khi Đức Phật Thích-ca lên cung giới Đạo-lị để thuyết pháp cho Thánh-mẫu nghe, trong chốn đại-hội đủ hết thầy chư Phật chư Bồ-tát, bộ Thiên, bộ Long cùng các thứ Quỷ-thần, Đức Phật Thích-ca ân cần phó-trúc cho Địa-tạng Bồ-tát phải hóa độ cho hết thầy chúng sinh trong « lục-đạo » mãi mãi bao giờ cũng vẫn làm ngôi giáo-chủ cả hai cõi « U-

minh 幽明 », để người đời được tin cây Bồ-tát, truy tiến cho linh-hồn cha mẹ đều được siêu-sinh về cõi Cực-lạc. Những chuyện Đức Địa-tạng Bồ-tát thác sinh ra đời làm thân nhi-nữ mà cầu nguyện cho cha mẹ thoát khỏi tội-lỗi nơi địa ngục, sinh về cõi Phật, chép ở kinh Địa-tạng Bồ-tát bản nguyện nhiều lắm, cho nên người ta gọi kinh ấy là sách *Hiếu-kinh* của nhà Phật.

Ngày « tứ-cửu 四九 » (bốn mươi chín ngày) là ngày định nghiệp cho vong-nhân, kể từ ngày mất đi, cứ bảy ngày vong-nhân bị thăm-vấn nghiệp quả một lần, đến ngày bốn mươi chín là ngày định xong nghiệp-báo thế nào. Thuyết ấy cũng chép ở kinh Địa-tạng bản-nguyện. Kinh ấy lại nói tường về các thứ Địa-ngục và các thứ hình-pháp góm ghè. Vậy kinh ấy lại là sách *Hình-thư* của nhà Phật.

Đức Phật Thích-ca phó trục cho đức Địa-tạng rằng : *Địa-tạng nhớ đây, hôm nay ta ở trên cung Trời Đạc-li này, giữa nơi đại hội này, có trăm nghìn vạn ức không sao kể xiết đủ Chư-phật, các bộ Thiên, bộ Long làm bộ Tu đem cái việc các chúng-sinh cõi người, cõi trời chưa thoát khỏi vòng Tam-giới còn bị ở trong nhà lửa, để nhờ cây vào Người, thì người đừng có để cho những chúng-sinh kia còn phải đọa đầy vào trong mọi nơi ác-đạo ấy một ngày một đêm nào nữa.*

Vì vậy kinh Địa-tạng lại nói : « Ở vào khoảng sau khi Đức Thích-ca diệt-độ rồi, mà Đức Giê-nặc chưa ra đời, thì Địa-tạng Bồ-tát thường hiện thân vào cõi nhân gian cõi thiên-giới và cõi địa-ngục để cứu khổ cho chúng-sinh các nơi ấy. »

Tôn-dung của Đức Địa-tạng, đầu tròn, tay cầm hòn bảo-châu và gậy tích-trượng. Kinh nói : Ngài hóa thân ra làm Giêm-la-vương.

Nhân Ngài có uy-thần lớn, thần-thông lớn để lên xuống các nơi « Lục-đạo » mà hóa độ cho các nơi ấy nên có nhiều hình ảnh gọi là *Lục địa-tạng* 六地藏

1^o Đàn-đà Địa-tạng 檀陀地藏, tay cầm cái tràng phan có hình đầu người, để đi hóa-độ cho nơi địa-ngục.

20 Bảo-châu Địa-tạng 寶珠地藏, tay cầm viên bảo-châu để đi hóa độ cho loài ngã-qui

30 Bảo-ấn Địa-tạng 寶印地藏, tay cầm ấn ngọc như-y để đi hóa-độ cho loài súc-sinh.

40 Tri-địa Địa-tạng 持地地藏, tay bưng cội đại-địa để hóa-độ cho loài a-tu-la.

50 Trừ-cái-chường Địa-tạng 除蓋障地藏, hóa-độ cho loài người mà trừ mọi sự ngăn-trở về tâm điều khổ.

60 Nhật-quang Địa-tạng 日光地藏, hóa-độ cho cõi trời cõi người, trừ bỏ mọi điều khổ-não cho hai cõi ấy.

Bồ-tát lại có hiệu là *Thắng-quân Địa-tạng*, nghĩa là Đ'a-tạng Bồ tát là vị tướng-quân chiến-thắng. Kinh Liên-hóa Tam-muội nói Ngài đội mũ trụ *cừu-cánh không-tịch*, mặc áo giáp *dà-la-ni*, đeo đao *kim-cương tri-tuệ*, vac phướn *phát-lâm tu-hành*, cầm gương *trảm ác-nghiệp phiền-não quán*, và có *chủi* đồng-lữ trưởng-thiện 掌善 trưởng ác 掌惡 hầu hai bên.

Đ. N. T.

BÀI DIỄN-THUYẾT TẠI CHÙA HỘI-QUÁN NINH-BÌNH NGÀY MỒNG 2 THÁNG 10 ANNAM

Câu chuyện đi chùa

Đã qua cửa tam-guan, lên tới phật-dương, trông lên thấy tượng thờ Phật, ta cũng hiểu rằng đây là nơi tiêu biểu cho người ta mắt trông thấy tượng Phật, thời lòng tưởng đến đạo Phật. Kinh có câu rằng: kiến nhất thiết Phật, khởi nhu-lai tưởng, kiến nhất thiết tăng, khởi bồ-tát tưởng. Ta cũng nên đi chùa lễ Phật là vì vậy.

Trên có tam vị, đây là tam thế, quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, tuy biết bao đời đời kiếp kiếp, có hằng hà sa số chư Phật, nhưng tổng xưng là tam thế.

Tượng đức A-Di-Đà-Phật-Thế-Tôn, ngài là Phật-tổ ở tây-phương hiện Kim-thân thuyết cho trưởng-lão Xá-Lý-Phật, ta thường tụng kinh A-Di-Đà, đây là Phật ngài thuyết Pháp.

Một pho tượng hình bé nhỏ, lại có rồng chung quanh, đây là tượng đức Thích-Ca-Mâu-Ni, khi ngài dẫn sinh, thời

có chín con rồng cuốn nước Thiên-hà một dục cho ngài Ngài ra đời, di được ngay, nói được ngay, đứng lên tòa thất bảo, tay chỉ lên trời, tay chỉ xuống đất, nói rằng: Trên trời dưới đất, duy ta độc tôn, rồi ngài cũng xuất-gia tu hành thuyết pháp, truyền đạo khắp nơi, cho nên ta thường gọi là tòa tượng Cửu-long, mà tôn xưng danh hiệu ngài là: Sa-Bà-Giáo-Chủ-Ngã-Bản-Sư-Thích-Ca-Mâu-Ni Phật.

Pho tượng hình nhiều tay, đây là tượng Quan-thế-âm-bồ-tát. Ngài cũng đáng sinh làm con vua Diệu-trang-vương, tu hành đắc đạo, thần thông biến hóa, nghìn mắt nghìn tay, khi chùa Bách-tước, khi động Hương-sơn, khi qua bể Nam, khi du địa-phủ, ngài lấy nguyện-lực độ hết khổ ách cho chúng sinh. Rồi đến các vị Phả-hiền-bồ-tát, Văn-thù-bồ-tát, Át-na-tôn-giả, Thổ-địa Thánh-lăng cũng đều là thánh đạo Bồ-tát chứng vị Phát-đai cả.

Nói đến chuyện Chư-Phật dẫn sinh, cũng có người ngờ là huyền, nhưng thiết tưởng, Phật là bậc xuất thế không phải như phàm thai tục cõi, thời lúc hiện thế ắt phải có khác. Đến những bậc danh-thế, sự nghiệp hiển hách ở đời lúc thác sinh cũng còn có diễm lạ, hưởng Phát là bậc đại thánh nhân, ta suy đó, không phải ngờ tích Phật xuất thế là huyền.

Bên ngoài có hai vị tượng Hộ-pháp, mà người ta thường gọi rằng ông Thiện, ông Ác. Đời xưa còn thì Hòa-Thượng, vào đình đối, có mấy bài văn sách rất dài, một đoạn hỏi về ông Thiện ông Ác, thì lập tiền đường, ông Thiện khả dụng, chứ ông Ác cũng khả dụng ru? một vị Hòa-thượng giả nhời, đại ý rằng: ông Thiện-hữu ông Ác-hữu đều là hai con vua La-nại-Vương, ông Thiện-hữu thiết tâm cầu đạo, ra bề tìm châu, thời chứng vị bồ tát ngay, còn ông Ác-hữu tuy trước có điều bạo ngược, nhưng về sau hối cải, ngộ được phép Long-cung đắc-bảo, thời cũng được dự vào bồ tát. Ý là đề giạy cho người ta biết rằng, ông Thiện thành Phật đã đành, ông Ác hối cải thời cũng thành Phật.

Thưa các giáo-hữu.

Nay ta đã thấy tượng Phật, thời ta lại nên nghe đạo Phật, Phật-giáo có luật phép, có kinh điển, có tam tạng

thành giáo, có tam tạng Phật-học, có bồ-đề tam giới, có bát-nhã tâm kinh, lại có bốn môn đề cầu sinh tĩnh-độ: 1) tụng kinh niệm Phật; 2) trì giới niệm Phật; 3) Nhất tâm niệm Phật; 4) Hiền mật viên thông. Nói tóm lại, đạo Phật là dạy người ta mình tâm kiến tính, do cái tâm giới định tuệ, mà bỏ những tình tham, sân, si, tẩy sạch cái cấu uế ma vào nơi thanh tịnh, bỏ hết cái phiền não mà tới cõi bồ-đề, tụng kinh kim-cương thọ mệnh, thời độ cho hiện thể thoát được lão tử bệnh khổ, tụng kinh bảo-án thời độ cho vong nhân được siêu sinh cực lạc.

Đừng tưởng rằng nghĩa lý cao xa, tu Phật thời giới hạnh cực khó. Thực thì rất gần rất dễ. Gần là gần ở ngay tâm. Kinh có câu rằng: đăn ngộ tự tâm, tức như như Phật. Dễ cũng dễ ở tâm. Kinh lại có câu rằng: Di-đà quốc độ dĩ vãng dĩ thủ, xưng một tiếng Nam-mô-a-di-đà-Phật, đều cũng thành Phật. Đến cả người đồ tể, biết sám hối, vứt con dao bầu thề không sát sinh, mà cũng thành Phật lập tức, cho nên nói rằng: chúng sinh giai Phật.

Về Trúc-lâm tôn-phái, có vị Sơn-tăng đi cầu đạo, hỏi đức Tuệ-trung-thượng-sĩ về Phật pháp đại ý thế nào. Ngài đọc một câu rằng: Ngao đầu đá lãng tiêu minh nhãn, bằng dục đoàn phụng lâu nghĩ trường, nghĩa là đầu cá ngao đánh sóng ở mắt con muỗi, cánh chim bằng tung gió ở ruột con kiến. Ý ngài bảo rằng: phép Phật không nhưn không nhỏ, không to không bé, nếu hiểu được thời diệu pháp vô cùng. Vị Sơn-tăng ấy rồi sau cũng ngộ được đạo Phật.

Đạo Phật có một tôn-chỉ rất cao-siêu, rất quảng-đại, không oán giận ai, không trách phạt ai, ai có phỉ báng mà sau biết hối cải thì Phật cũng hi-xả mà tiếp độ cho, dầu có hung hãn, không lương thiện, Phật cũng đến nơi thuyết pháp mà giáo hóa cho. Phật lại còn có một tính kiên nhẫn nữa. Ông Ba-tư-Nặc khi đã đắc đạo, xin với đức Thế-tôn quyết chỉ nhĩn nhục sang truyền giáo bên nước mọi rợ, là nước Tô-na-ba-lau-đà. Phật mới thử bụng hỏi rằng: nước ấy hung tợn như thế, người sang nó chửi người, thì người tính sao? Ông thưa rằng: nó là người lành người tốt, vì nó không đánh tôi bằng tay, ném tôi bằng đá, Phật lại hỏi: nếu nó đánh người bằng tay, ném

người bằng đá thời người tinh sao? Ông lại thưa: nó cũng còn là lương-thiện, vì nó không đánh tôi bằng gậy, chém tôi bằng gươm. Phật lại hỏi: ngộ nó giết người thời sao? Ông thưa rằng: nó cũng là người tốt với tôi, vì nó làm cho tôi chóng thoát được cái đau khổ ở thế ở đời. Phật biết ông ấy có tính kiên nhẫn, mới truyền pháp và bảo rằng: người đã giải thoát được thân rồi, thì nên giải-thoát cho người ta, người đã thanh-tĩnh được thân rồi thì nên thanh-tĩnh cho người nữa. Quả nhiên ông ấy sang truyền giáo, mà hóa được cả nước hung bạo ấy thành một nước phật.

Có người tưởng nhầm rằng: đạo Phật là một đạo chán đời, nhưng đạo Phật chính là một đạo cứu đời. Kinh có câu rằng: phật pháp vương chương đồng điều cộng quản, phép Phật như luật nhà vua, Phật cũng dạy người trung kính quân vương, hiểu thuận phụ mẫu. Lại dạy tin-đồ rằng: nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực, không làm thời đừng ăn, thế là cũng dạy người ta phải lo toan lấy sự sống ở đời, chứ có đâu là chán đời. Lại dạy cho người ta trí tuệ sáng suốt, tâm tinh vững bền, nếu tinh-tiến dũng mãnh thì việc đời việc gì mà chẳng làm được.

Tôi thiết tưởng người đời theo được Phật giới, không tham, không sân, chỉ đến nổi lừa đảo nhau, sàu xé nhau, mà cái hại cỡ bạc, cái tội trộm cướp, cái mỗi kiện tụng không xảy ra hàng ngày; không hiểu sắc thì trừ được cái bệnh dâm ô; không tham tửu thì khỏi được cái thân mê loạn; không vọng ngữ thì chẳng bao giờ có cái vạ miệng; không si, thì có trí thức, có định kiến, không bị người ta mê hoặc những lối dị đoan; cứ thế mà tuần tự tinh tiến, có nhê kinh-tế không đến nạn khủng-khoảng, dân trí không đến nỗi thấp hèn, sẽ được thấy xã-hội văn minh, nhân-loại hòa bình, nên tôi nói đạo Phật là đạo cứu đời, không phải là quá đáng vậy.

Đạo Phật có bổ ích cho đời, không phải nói ở đâu xa, hãy xem như lịch sử nước ta, đời nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê, trên từ vua chúa, dưới đến sĩ dân, đều sùng Phật trọng đạo, đời bấy giờ đạo Phật và đạo Nho cùng thịnh hành, thiên hạ vẫn được thái bình, nhân dân vẫn được an lạc, xem như thế ai bảo sùng Phật là vô ích.

Xưa nay những phái nhà nho, lúc chưa thâm hiểu đạo Phật thời hay bài Phật, rồi sau hiểu được cũng trở lại sùng Phật. Như ông Hàn-Dũ nhà Đường, thấy vua lập chùa rước sư, lễ Phật tụng kinh, ông ấy dâng bài Phật-cốt-biểu can vua, xin đốt sách di, bắt lấy người. Bấy giờ vua đang sùng Phật, mà ông nói trái ý, vua bèn đầy ra Tráo-châu. Ở đấy lam-trưởng, ông may gặp sư Thái-Điền. Trong khi đi lại, sư nói chuyện nghĩa lý đạo Phật, thời ông lại thăm phụng, sau được vua cho triệu về, thời ông đến tạ sư Thái-Điền rồi tặng một cái áo làm kỷ niệm. Đời sau có người đề câu thơ ở đình Lưu-y rằng: bắt thức Thái-Điền há tự dả, sỗ thư chân trọng cánh lưu y, nghĩa là không biết ông sư Thái-Điền là người thế nào mà khiến cho ông bài Phật kia lúc về phải để áo lại.

Đến đời nhà Tống có ông Trương-Thương-Anh cũng là phái nhà nho, đỗ tiến sĩ, làm quan, một hôm đi vào chùa chơi, thấy có tượng pháp trang nghiêm, kinh sách rất nhiều, ông nghĩ bụng rằng không nhẽ để đạo Khổng ta không thịnh bằng đạo Phật, về nhà toan làm bài vô Phật luận, bàn rằng không có Phật. Bà phu-nhân vốn mộ đạo Phật, mới hỏi rằng: đêm đã khuya sao ông không đi nghỉ, còn cầm bút định làm gì? Ông bảo: Ta định làm bài vô Phật luận. Phu-nhân nói: Phật đã không có, thì ông luận làm gì? Ông không giả như sao, mà rồi cũng không làm gì nữa. Lần sau đến chơi một chùa kia thấy có một bộ Tĩnh-danh kinh, ông mượn về xem, thấy có nhiều ý vị rất hay, thành ra ông mãi xem đến khuya. Bà phu-nhân lại hỏi: sao đêm đã khuya ông không đi nghỉ, còn xem sách gì? Ông nói rằng: ta xem bộ sách Tĩnh-danh-kinh của nhà Phật. Phu-nhân nói rằng: ông xem bộ kinh này thì làm được vô Phật luận đấy.

Từ đấy về khi thông thả việc quan, ông lại chỉ xem kinh Phật, rồi hiểu thấu được nghĩa lý trong kinh Phật. Ông mới làm ra bài hộ pháp luận.

Nước ta đời nhà Trần, có cụ Trương Thái-phó, khi còn ở kinh, có ông sư Trí-Nhu đến xin bài tháp ký, cụ bảo rằng: đạo Phật cổ hoặc nhân-tâm Tháp-tự hư phí tài bảo. Đến sau cụ về tri sĩ, lên ở Thúy-sơn, cụ có mấy câu thơ rằng:

Trung lưu quang tháp ảnh,
Thượng giới khải nham phi,
Phù thể như kim di,
Nhân thân ngộ tạc phi.

dịch nghĩa nôm rắng :

Giữa dòng bóng tháp lập lờ,
Đầu non khép mở mái hè phên thưa.
Cuộc đời nay đã khác xưa,
Thân nhân ngẫm lại ngày xưa biết lăm.

Coi mấy câu thơ đó đủ thấy cụ cũng đã dậm đã mài đạo, chan chứa lòng thiền, tiêu giao với cảnh với chùa, chẳng tu thời cũng như tu khác gì.

Đây có bài tụng ở trong kinh tâm-pháp thiết-yếu và bài ca đức Thánh-mẫu dạy các giả nên đi chùa, tôi xin hiến đề thiện tín nghe cùng.

* * *

Bài tụng sám hối trong kinh Tâm-pháp Thiết-yếu

Đôi tay chấp lạy Phật trời,
Miệng thời tụng đọc bụng thời ăn-năn.
Chúng con quả nhiều phần trót đại,
Lòng nhủ lòng hối lại từ đây ;
Đám đem tâm sự tâu bày,
Xin hồi tâm lại, xin quay đầu về.
Hối lúc trước nhiều khi ám muội,
Của phù-ván mắt tối lòng tham.
Hối điều tửu sắc mê đam,
Tửu là bề khổ, sắc là bến mê.
Hối lúc trước thiên về tình nóng,
Làm những điều vọng động chi chi.
Hối khi ám trưởng ngu si,
Biết gì là đại, biết gì là khôn,
Hối chữ phạm tôi con còn thiếu,
Chưa báo đền chữ hiếu chữ trung,
Ăn-năn trong đạo vợ chồng,

Trai đường ân ái, lỗi trong sương tuyền,
Tình anh em hỡi khi bắt mực,
Nghĩa bạn bè hỡi lúc mất tin ;
Hối đều tà chính đảo điên,
Bỏ hoài công lý mà quen tự tình.
Hối mình trong đám phù-sinh,
Biết bao nhân quả chưa thành công-phu.
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này tu đề đền bù kiếp sau.
Nay con đã khấu đầu đỉnh lễ,
Thú thực rồi xin để ngài thương.
Từ bi rưới nước cánh dương,
Lấy điều phượng tiện mở đường vãng-sinh.

*
*

Kinh đức Thánh-mẫu giặc các già nên đi chùa

Bóng dáu khi đến tuổi già,
Quy-y tam bảo đàn bà nên khuyên :
Ngay rằm mồng một phải chuyên,
Dầu hương hoa quả cửa thuyền kinh dâng.
Kinh miệng niệm, hạt tay lần,
Có khi tỉnh độ cũng gần không xa.
Nam-mô đức Phật Di-Đà,
Nam-mô đức Phật Thích-ca độ-tri.
Tụng kinh phát nguyện đôi khi,
Độ siêu cha mẹ, hộ trì cháu con ;
Gây nên quả phúc cho tròn,
Ắt mình giải thoát chẳng còn oan khiên.
Đến khi sáng tạo chùa chiền,
Phải đem tài lực giúp nên mới là.
Cõi tiên khi giở về già,
Ở bên cực lạc Di-Đà rước sang ;
Tràng-phan bảo-cái rõ ràng,
Lên nghe kinh Pháp minh đường vui thay.
Tuổi già qui Phật là hay.

NHỮNG ÂNG QUỐC-VĂN CỔ TRONG

PHẬT-HỌC

Thiếu thất phú 少室賦

Bạch-liên tiều-sĩ soạn

Vui thay miền Thiếu-thất (1),

Vui thay miền Thiếu-thất,

Che trốn (2) đã giờ,

Nàng chân sấn đất.

Dùm ba gian nhà cỏ lơ-thơ,

Buồng mấy cánh rèm bông (3) phơ-phất.

Tường đất sét đắp cao ba thước, khoan cửa vô (4);
nghehng ngọn gió nam thâu.

Mài cỏ tranh lợp đầy hai gang, bày cở ngỗng (5)
dỡ hạt mưa rằm hắt.

Cột tre bương (6) óng-ả ngấm càng xanh.

Rui nửa tép (7) nhản cừ coi cũng bắt

Trước án dựa một tay như-ý (8), bày pho kinh
Điều pháp liên hoa (9).

Trên ban treo mấy giải hằng-tâm (10), thờ tòa tượng
A-di-đà Phật (11).

Mồ gỗ-mít (12) giáng quả đào (13) đánh bóng, rui
lìm khua vang giầy một thung tròn.

Chú thích: (1) Vẽ đời Lương bên Tàu, sư tổ Đạt-ma người Thiên-trúc sang Tàu truyền giáo, ở dãy núi Tung-sơn có ngọn núi Thiếu-thất, Đạt-ma ở chùa Thiếu-lâm núi Thiếu-thất, quay mặt vào vách ngồi 9 năm, truyền ra phái Thiếu-lâm.

(2) Đỉnh đầu — (3) Cỏ bông — (4) Cửa tò-vò.

(5) Cong vượn như cở con ngỗng.

(6) Cây bương ở rừng, làm cột nhà.

(7) Rui làm bằng nửa tép ở rừng.

(8) Là cái bàn tay giả bằng gỗ để chư-sur tụng kinh có ngựa thì gãi.

(9) Kinh Pháp-hoa là kinh Đại-thặng, chủ tôn Thiên-thai.

(10) Là phướn.

(11) A-di-Đà-Phật: giáo-chủ cõi nước cực-lạc phương tây.

(12) Gỗ mít đục làm mồ. — (13) Giáng như quả đào.

(huông đồng-già (1) khuôn trái nhót (2) nhãn cừ, vồ vông (3) thỉnh ngân dài mười sáu quật.

Lương trầm bạch (4) thấp khuya sớm chẳng khi tàn, Eền đầu sở (5) đốt đêm ngày không lúc tắt.

Ấm đất (6) mở củi rừng nấu sẵn, chè sơn-hào (7) chuyén mấy chén thơm tho.

Hay xưa (8) bàn gỗ chắc (9) dễ kê, nước thiên vũ (10) đựng một bầu trong vắt.

Ấy gia-mô (11) từng-tiệm đã ưng lòng,

Này phong-cảnh (12) tự-nhiên càng siêng mắt.

Nón sức sức hội-long (13) kéo đến, chuyền quanh co bàn-kết mạch đình (14)

Nước cồn cồn tỗn-hồ (15) chiều vào, tuôn khuát khúc loan-hoàn chữ Ất (16).

Lườn núi nọ lão-tùng (17) năm bảy cội, từng cơn diu dặt gầy dân khoan.

Ghềnh khe kia lục-trúc (18) một đôi hàng; thăm-thót rập-rờn khua phách nhạt.

Cây đơn (19) kẻ đầu xuôi đỏ lòm,

(1) Đồng già đúc chuông. — (2) Khuôn hình như quả nhót.

(3) Vồ chầy làm bằng gỗ vông.

(4) Hai thứ: đồ là tử-dàn, trắng là Bạch-dàn, sinh tại nước Lâm-ấp (Trung-kỳ nay), trầm nước là trầm-hương.

(5) Quả sở ép dầu thấp đèn. — (6) Ấm nặn bằng đất.

(7) Tré giòng tại núi. — (8) Khay gỗ xưa có vân đẹp lắm.

(9) Bàn đóng bằng gỗ trắc là thứ gỗ tốt và quý nhất trong loài gỗ.

(10) Thiên vũ, nước giời mưa. — (11) Gia mô : là phép nhà.

(12) Phong quang, cảnh vật.

(13) Con long, tiếng địa-lý gọi núi là long Hội là hướng chữ hội.

(14) Mạch theo hướng chữ đình.

(15) Tỗn là một cung trong bát-quái, hồ : là con hồ, nhà Địa-lý nói nước là hồ.

(16) Quanh co như chữ Ất. — (17) Lão tùng : cây thông đã già.

(18) Lục trúc : cây trúc xanh ; cây thông cây trúc gió đưa qua như tiếng gầy dân khua phách.

(19) Cây mẫu-dơn hoa đỏ.

Cành liễn (1) rủ bên tường xanh ngắt.

Hồ liên-bạch (2) hoa khai trăm đóa, cá vàng ngoi
đáy nước lượn quanh.

Ngân hải-đường (3) nhị nở nghìn đài, cốc biếc đỏ
đầu cành hót vật.

Chốn nghỉ-ngoi giường tre chõng trúc, hoàng mang
nhỉ, màn gai chần giấy, áo lằng-già (4) phần-táo (5)
nặng hơn cân.

Đồ nấu ăn nồi đất sanh gang, tử-lễ sao, kho bì bung
mãng, bát đa-la (6) thiết bì (7) đai mảy chết.

Trọn ngày một bữa cơm chay,

Cả tháng ... n chè mật.

Ngồi dăm ... mình hóng mát, tay phong-phanh
quạt-lá (8) đan tròn ;

Đi thêm nhà bách-bộ (9) tiêu cơm, chân lập-cáp
rếp-mo (10) đóng chặt

Trong ngoài giữ việc, ông lão già hom,

Sớm tối chực hầu, tiều-dồng bê nhất.

Cư-xử lấy từ bi lấy mực, học đòi cổ đức (11), hạ
chín tuần (12) kết túc tụng kinh.

Hành-tàng đem hỉ-xả treo gương, bắt chước cao-
tăng (14), thu ba tháng đầu đà hành-khất (13).

Thầy nhập-định (15) giả-phụ (16) đũa đá, mơ màng
Đạt-mạ (17) mặt quay vào.

(1) Cây Dương-liễn. — (2) Sen hoa trắng.

(3) Cây hải-đường hoa như hoa trà.

(4) Áo Cà-sa.

(5) Phần táo là nhặt mụn rách mà vá chum đụp lại.

(6) Bát Đa-la : bát pháp và áo ca-sa dùng khi thụ giới phải cần.

(7) Thiết bì : chết bằng sắt. — (8) Quạt đan bằng lá.

(9) Bách bộ đi nhiều bước, hàng trăm bước.

(10) Dép đóng bằng mo nang — (11) Người đạo đức đời xưa.

(12) Ba tháng hạ, kết túc yên cư học đạo.

(13) Chư sư giới hạnh thanh cao.

(14) Phép đầu đà có 12 thứ, là đi xin ăn như các sư bên
Ai-lao, Cao-mên. — (15) Ngồi thiền-định không tán loạn.

(16) Ngồi thiền-định thì kết giả-phụ là ngồi xếp bằng hai
bàn chân ngửa lên.

(17) Sư tổ Đạt-mạ là sư-tổ lớn Thiên-tôn đã chưa ở trên.

Tờ văn kinh qui gói dăm sương, tưởng tượng Thần-quang (1) tay đã cất.

Những say mùi Phật-đạo nhiệm màu,

Nào ngời sự trần-gian đặc thối.

Dù ai có lợi-danh đồn hổi, chau mày chép miệng
trình vô (?).

Ví kẻ đưa tài-sắc ướp chiều, hết cỡ vẫy tay rằng
bất (3).

Bạn đồng-chỉ đôi ba người tịnh-tuệ (4) đèn lừng-cao (5) kẻ sừng thỏ nghĩa huyền.

Tiền thừa nhan năm bảy gã tức-tư (6), quyền bối-điệp (7) dựng rặng nghề câu luật.

Nài bao thể-thái (8) phong-lưu.

Chẳng quản thiên-gia (9) khổ khuất.

Nhục, vinh, quí, tiền, cuộc Diêm-phù (10) xem băng
không hoa (11).

Ái, lục, hưng, suy, đường vát sắc trông như huyền
chất (12).

Tâm thể ấy, chỉ gia-phong (13) là thể ấy; đầu Thiền-sĩ
nghỉ ở số rừng thăm-thăm, thân hắng nương Bắc-quốc
điện-cao.

Hạnh nương này, xong công-án (14) lại nương
này, thì sư-già (15) ngồi tu góc núi nhỏ nho. danh đã
chiếm tây phương bằng nhất (16).

(1) Thần quang : người Thiên-tôn cất cánh tay học phép.

(2) Vô : không. — (3) Bất : chẳng. — (4) Tịnh-tuệ : sư ông.

(5) Tùng cao : dầu nhựa thông thấp đèn.

(6) Tức-tư : sư bác.

(7) Bối-điệp : là cây bối-đa lấy viết kinh chữ Phạm, ở nước
Diễn-diện cũng có cây ấy.

(8) Thể thái : thói đời. — (9) Thiên-gia : nhà chùa.

(10) Diêm-phù : cõi Nam diêm-phù-đề là châu Á này, nói
tương trong kinh Phật.

(11) Không-hoa, mặt trông như có hoa mà không có,

(12) Huyền chất : chất giả dối. — (13) Gia phong : thói nhà.

(14) Công án, có công hay có tội lập thành bản án.

(15) Sư già : tăng già là nhà sư.

(16) Chiếm bằng tây phương : lên đến cõi cực lạc phương
tây chiếm bằng nhất.

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

- Ác-tác** 惡作.— Việc ác đã làm rồi mà biết hối lại.
- Ác-thời** 惡時.— Cái thời những việc ác thịnh-hành.
- Ác-thủ-không** 惡取空.— Một cái ác là cho ý kiến nào cũng là không cả, sách Chí-quán: «Thà có cái ý tự coi là to như núi Tu-di còn hơn là ác-thủ-không 寧起我見如須彌山。不惡取空»
- Ác-trí-thức** 惡知識.— Kẻ ác mà ai cũng biết tiếng.
- Ác-vô quá** 惡無過.— Một cái ác là không biết sợ gì, cứ làm tràn đi.
- Ác-luật-nghi** 惡律儀.— Những luật-nghi như về việc đi sấn, đánh cá.
- Ác-qui-thần** 惡鬼神.— Những loài như giạ-soa, la-xát hay làm não-hại người ta.— Những quỷ sứ hành hình những tội tà-dâm ở địa-ngục, gọi là tà-dâm ác-qui.
- Ác-trấp-ác** 惡執惡.— Kẻ làm đồ tể.
- Ác-đạo** 惡道.— Đường lối của kẻ làm ác phải đi tới. Có ba ác-đạo là địa-ngục, ngã-qui và súc-sinh.
- Ác-nghiệp** 惡業.— Những điều ác do thân, khẩu, ý làm ra
- Ác-thú** 惡趣.— Những chốn mà kẻ làm ác bị đẩy dọa đến. Có tam-ác-thú ≡ 惡趣 là địa-ngục, ngã-qui và súc-sinh. Lại tam ác-đạo thêm cõi A-tu-la vào gọi là tứ-ác-thú. Tam ác-đạo thêm cõi người, cõi trời vào gọi là ngũ-ác-thú (a-tu-la thuộc cõi trời).
- Ác-lộ** 惡露.— Những chất lỏng trong mình người chảy ra như máu mũi đờm rãi. Kinh Tâm-địa quán 心地觀: «Minh người có 36 vật ác-lộ.»
- Ác-long** 惡龍.— Loài Long-thần hung-ác làm ra hạn-hán, nước lụt.
- Ác-ma** 惡魔.— Loài ma quỷ và ngoại đạo hay làm hại đạo Phật gọi là ác-ma Ba-luần 惡魔波旬.

Ác-linh 惡靈. — Kẻ mê trấp muốn sau khi chết còn ở lại làm thần tại cõi thế-gian này. Cũng gọi là *tử-linh* 死靈 *oán-linh* 怨靈.

Ác-lại 鬼臉心. — Lòng ác như lòng con giã-can (loài cáo) bệnh hủi.

Ách

Ách 輓. — Sự phiền não trói buộc chúng-sinh như cái ách ngựa giữ lấy cổ trâu ngựa bắt kéo xe.

Ai

Ai-mẫn 哀慫. — Lòng thương xót.

Ai-nhã 哀雅. — Những âm-hưởng nghe hòa nhã mà bi ai.

Ai-lượng 哀亮. — Những âm-hưởng nghe trong trẻo mà bi ai.

Ái

Ái 愛. — Lòng tham chước, tham nhiễm, yêu mến. Tên một nhân-duyên trong 12 nhân-duyên. Có nhị chủng ái 二種愛 là: yêu vợ con, ấy là tham ái. Yêu sư-trưởng ấy là tin ái.

Ái-hỏa 愛火. — Lòng yêu mến nóng như lửa.

Ái-thủy 愛水. — Nước tình ái bởi hai tính nam nữ ra như tình dịch vậy.

Ái-hành 愛行. — Ý niệm do phần nhiều tình-ái gọi là ái-hành khác với ý niệm do phần suy-lý nhiều gọi là kiến hành 見行.

Ái-kiến 愛見. — Do lòng trấp-chước sinh yêu — Thấy chúng-sinh mà khởi lòng yêu, yêu nên thương, gọi là *ái-kiến đại-bi* 愛見大悲.

Ái-pháp 愛法. — Ái chước về pháp. Trấp pháp.

Ái-quả 愛果. — Cái quả báo của sự ái-dục.

Ái-thích 愛刺. — Phiền-não của ái-dục làm hại như gai trâm.

Ái-hà 愛河. — Lòng tham-ái đầy dẫy như nước sông làm chìm đắm người.

Ái-duyên 愛涎.— Thấy tài bảo sinh lòng tham ái mà rõ giải ra.

Ái-hải 愛海.— Lòng tham ái rộng sâu như bể.

Ái-quỉ 愛鬼.— Sự tham ái hại người như ma quỉ.

Ái-thân-thiên 愛身天.— Trên cõi trời, cõi này ở tầng Trời thứ sáu, trong dục giới. Vì sắc-thân rất đẹp đẽ nên hay ái thân.

Ái-ngục 愛獄.— Sự tham ái giam trấp người như cái ngục.

Ái-luân 愛輪.— Sự tham ái như bánh xe đưa người vào luân-hồi.

Ái-phọc 愛縛.— Sự tham ái trói buộc người.

Ái-khang 愛糠.— Nên coi lòng ái dục như bã cám mà bỏ đi.

Ái-quyên 愛罈.— Sự tham ái như lười úp người.

Ái-kiên 愛罈.— Sự tham ái buộc người như cái kén bọ con tằm nhả ra để-quấn lấy mình.

DU-KÝ ĐỀN VUA CHA BÁT-HẢI ĐỘNG-ĐÌNH

Ký-giả: Sư chùa Trường-tín (Tonkin)

Người bi-thu, cảnh mùa thu, đến mùa thu là cái cảnh điều-linh, gió tây heo-hắt, cây khô lá vàng, đó là những cái đầu đề thu cảm thu sâu của các nhà văn Hán-học. Nhưng xứ ta đây lại khác hẳn. Đến mùa thu từ thành-thị đến thôn-quê, đâu đâu cũng thấy mở các trò vui như múa rồng, múa sư-tử, hát đúm, hát quan-hộ. Lại còn nào hồng Hạc, nào cốm Vòng, nào cau hoa, nơi nơi trống phách cúng Phật tế Thần, hội đền, hội chùa, tấp nập vui vẻ, tức như ngày 20 tháng tám này là ngày dân đức Vua Cha, cũng là một ngày lễ bái du quan rất nao-nhiệt trong tiết thu-thiên vậy.

Ngày ấy năm nay, chúng tôi một bọn 10 người mượn xe hơi hàng đi hội đền Bát-hải, hội đền Đức Vua Cha và nhân thăm các cảnh chùa đền miền đó.

Xe khởi-hành tự năm giờ rưỡi sáng ngày 21 tháng tám, qua cầu sông Nhị-hà, xuôi theo con đường xe lửa Hanoi - Hai-

phong đến cầu Bấy, cầu Ghênh, tạt vào chùa Phả-quang gần đường sắt. Chùa này khai-sơn tự thời Trần, có bia đề các bậc Vương-công đời Trần khai-sáng và các bậc Vương-Phi đời Lê trùng-tu. Nhân lúc ngồi tiếp chuyện sư cụ Nghiêm trụ-trì chùa ấy, chúng tôi hỏi đến chi Hội Phật-Giáo tỉnh Bắc-Ninh, sư Cụ có ngõ cho biết rằng: Chi hội lập tại chùa Đại-Thành tỉnh lý Bắc-Ninh, khi thành lập được quan Thượng Lê và các quan mười phủ huyện đều tán thành, có chứng-kiến hôm ấy, nay chư tăng cũng lục tục đến nhập hội khá nhiều. Chúng tôi từ biệt ra xe thẳng xuống gần ga Đình-dù, có con đường rẽ về tay phải xuống Bần-yên-nhân, chỗ rẽ này cách Hà-nội 28 cây số. Bần-yên-nhân có đồn khố-xanh, có sở Điện-báo và có Y-viện, phố xá buôn bán sầm-uất, đường xá kang-trang.

Làng Bần ngã tương ngọt lắm, mồm ủ nạt, nên người ta thường nói là « nạt như tương Bần »

Đi vài cây số nữa có con đường rẽ sang tay phải về tỉnh Hưng-yên, xe cứ thẳng đường Hải-phòng đi, tới tỉnh thành Hải-dương mua thêm ét-săng, Hải-dương cách Hà-nội 52 cây số.

Khi quay xe trở ra một ít rẽ sang tay trái về Ninh-giang. Cách tỉnh thành Hải-dương hơn một cây số có một khúc đường cong, gần đến cây số thứ hai có biển đề địa-hạt Ninh-giang phủ tự đấy. Xe đến bến dò mía (thuộc làng Đạo-Xá) chừng 8 giờ, rồi theo con đường đá qua phố mới mở phố phủ Ninh-giang là bến dò Nhống, là dò sông Chanh. Ở đó có nhiều hàng quà bánh mang bán cho khách chày hội, qua khỏi dò Nhống một quãng đến bến dò Hạ, một ít lâu đến gần dò Vật là chỗ đỗ xe vào đền đức Vua tức là tục gọi đền « Vua Cua Bát-hải Động-dinh ».

Ngày ấy dân sở tại rước đức Vua Cha tự đền Chính ra đền Bơi là lối xe ô-tô chúng tôi vừa đi qua, nhân ngày đại-lễ, dân bán-hạt có mời quan Công-sứ bản tỉnh và quan Tổng-dốc Vệ Văn-Định về chứng-kiến cuộc rước ấy. Hai quan Tây, Nam đầu tỉnh và xe các quan Phủ, Huyện tiến thẳng vào cửa đền, các xe của hành khách đều đỗ tại bến dò Vật cả.

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm, kẻ đeo kiếm gỗ, người giắt cờ vải, nào gánh gồng hòm tráp, bọn năm người, tốp ba người, khăn đào áo đỏ vào lễ đức Vua và các đền chung quanh, người ta gọi là con cái nhà Thánh Cả.

Nhân đương cuộc rước, chúng tôi đỗ xe tiến thẳng con đường bờ sông Đông-bình vào cửa đền ; nếu đi con đường

mé trong phải qua con đường cửa tỉnh Quan Lớn Thành Cả (Thánh Thượng hay là Đệ-nhất hoàng-tử). Đền Thánh Thượng cửa đề là Long cung Thái-tử 龍宮太子

Dám rước ra đền Bơ.

Dám rước cũng như đám rước khác, cờ ngũ-hành, trống cái, tù-va, bát bảo, lộ-bộ, kiệu bát-cống, phường trống, phường nhạc, bát âm tài tử, có hải cái loa bằng đồng, tuần tràng vác tay thước khảm đi hộ-vệ. Những người đi rước làm giai kiệu chít khăn bận quần như thường ; chỉ khác cái áo đồ có lẹp ra hiệu riêng là người trong cuộc rước mà thôi, Đám đi rất dài đến gần 2 cây số, người đi đông lên chân không lọt.

Phủ Thái-Ninh về miền Phụ-Dực,

Giấy tiêng đồn nao nức gần xa ;

Đền trên sông Vĩnh ngã-ba,

Tối linh thượng-dăng thánh tòa uy-nghi.

Đôi bên voi ngựa đrng quý,

Nhờ-nhờ phượng múa, hạc thì châu lên.

Đền Bát-hải Động-dinh

Đền quay mặt trông xuống sông làm minh-dương, thuộc xã Đào-dộng, tổng Đào-dộng, huyện Phụ-dực, phủ Thái-ninh, tỉnh Thái-bình.

Nửa phủ Thái-bình thuộc tỉnh Nam-dịnh, nay tách hẳn ra một tỉnh, tỉnh lỵ cách Hanoi 100 cây số, huyện Phụ-dực, Đông-quan, Quỳnh-côi, đều thuộc phủ Thái-ninh tỉnh Thái-bình cả.

Ngày hội

Ngày 20 tháng tám hằng năm là ngày khởi chính lễ, nhưng bốn phương sĩ nữ đến chiêm bái tự ngày rằm đến 25 mới là tan hội.

Ngọc-phổ Đức Vua-Cha và sự thờ phượng

Vị thần thiêng đền Bát-hải là một vị Thủy-thần, các đền lân cận là đền thờ các vị chân tay nanh vuốt Vua-cha cả.

Ngọc-phổ chép ngài sinh nhằm vào chiều đại Hùng-vương, có công giúp Hùng bình-Thục, là quan Võ-tướng thời ấy.

Lịch triều được sắc phong là Đại-vương, nên tục xưng là Đức-vua, các hộ-tướng được tặ g phong Hoàng-tử hay Vương-quan nên tục xưng là Ông-hoàng hay Quan-hoàng, Quan-lớn.

Nhân bản cả đến truyện chúa Giáng-liên sinh vào thời Lê, Mạc phân tranh, tại Phủ Giầy (Thiên-bản Nam-dịnh) sang ngày rằm tháng tám, hóa ngày 3 tháng 3, sau tái giáng chân-thân tại Đèo-ngang, Phố-cát, bán hàng tại Sông, các triều có sắc phong là Công-chúa, chúa Trịnh bình nhung nhờ có ngài âm-phù, bèn tiến phong ngài Vương-lước, nên tục xưng là Vua, Mẫu.

Mẫu Cửu-trùng-thiên, mẫu Sông-sơn, mẫu Thượng-ngàn, mẫu Thoải-cung, tục xưng là tứ vị chầu-bà ; Dương-thái-Hậu nhà Tống bị quân Nguyên đuổi, cùng người trung thần phò giá là Thế-Kiệt cùng chết đuối dưới bể. Ba mẹ con Dương-thái-Hậu trôi bặt sang Nam-hải, vào Cờn-môn thuộc tỉnh Nghệ an, sau có đền thờ tại đây. Tục xưng là Tứ-vị Hồng-ngương.

Về sự thờ phượng các vị ấy, cũng như Đức Vua-cha đây, người ta có cái tục bán khoán con cho thánh, nường bóng thánh, đưa hái-nhi nhờ thánh phủ hộ, theo họ nhà dấng thánh nào mà cha mẹ đã bán, đổi tên đổi họ, bán khoán với Phật thì theo họ Mẫu, với đức chúa ông thì theo họ Long (vị Long thần) với đức Thánh Trần thì theo họ Trần, với đức Thánh-mẫu, thì theo họ Lê, đại để như thế, nhưng họ của mình phải đem dưới họ nhà thánh, và cải sang tên khác.

Tục xưa con giai nhà quan, được xưng là công-tử, con gái nhà quan, xưng là tiểu-thư, nên những người bán khoán theo họ nhà thánh thì xưng giai là công-tử, gái là công-nữ, hay nói tiếng nôm là con công cái bán.

Những người có số mà người ta tôn bát hương thờ xưng là con-hương.

Các con hương và con công cái bán đi chầy hội, người ta xưng là con cái nhà thánh

Hội Bát-hải tháng tám, hội phủ Giầy tháng ba, người ta có những câu « tấu vua bách bái, lạy mẫu nghìn trùng » « Tháng tám hội cha, tháng ba hội mẹ. Con cái nhà thánh nên đi cho đến đền cha phủ mẹ mà trình lịnh trình đồng. » Trong cuộc đồng bóng gián hoặc có vị sư nào tả-phái hay hữu-phái cũng đi, người ta nói là họ ốm đau thuốc thang không khỏi mới phải khấn đào áo đỏ như thế.

Trong đền

Đền rộng rãi nguy-nga, hoành-phi cửa võng thếp vàng lợt, trong đền có hai giầy nhà hành-lang và chung-quanh có thể

chứa đến tám chục ngàn người. Từ rằm đến 25, ngày nào cũng có đến bốn năm ngàn người về lễ. Các đền lân cận bên kia sông về huyện Quỳnh-côi, Đông-quan cũng đông như thế.

Cửa đền có 100 mẫu ruộng ân cấp làm hương khói nhà đền từ xưa đến nay.

Sự buôn bán

Người bán-xu và người các nơi nhân dịp hội đền, nhờ lộc Đức Vua-cha, đều mở hàng buôn bán rất nhiều, nhất là đồ lễ như bánh khảo, oản đường và đồ ngồi đồng như đai-mạng bao tay, khăn xanh đỏ mà người ta cần dùng đều có bày bán cả.

Đôi bên trống giồng kèn loa,

Thượng-du dò Kê, hạ-hà dò Bón ;

Đôi bên sông đỏ dáo sắc sỡ,

Nhác trông lên vẫn ngỡ động tiền ;

Phàm-trần dễ mấy nơi hơn,

Thơm danh nức tiếng về miền Thái-nir ư.

Chúng tôi vào bãi-yết Đức-vua và tỉnh Thánh-cả, rồi thuê một con thuyền đi các đền bên kia sông.

Đền Công-động

Đền này cũng thuộc làng Đào-động, bởi làng Đào-động chia ra tám thôn, đây thờ quan Hoàng-thất.

Đền Mỹ-từ

Đền Mỹ-từ, tổng Tiến-bá, huyện Quỳnh-côi, đây cũng thờ quan Hoàng-thất, hiệu ngài là Đào-tiên, nên kiêng mà gọi chệch là Điều-tơn, hay là quan Hoang Điều. Lúc ấy vào hai giờ chiều, người làng ấy nói với chúng tôi rằng : Hoang Thất là con nuôi đức Vua hóa ngày 21 tháng tám.

Trần Nam thiên hải hà chung từ,

Nồi giầu thiêng ở phủ Thái-ninh ;

Con vua Thủy-quốc Đông-dinh,

Điều-Tơn đệ thất anh linh khác thường.

Chúng tôi xuống dò lại sang đền Tứ-vị.

Đền Tứ-vị

Đền này thờ Tứ-vị Thành-mẫu, thuộc xã Cồ-liết, tổng Phương-quan, huyện Đông-quan ; hội đền từ 20 đến 26, những khách lễ thầy đều tự đến chính mà sang cả. Sân đền dân ấy

bầy ra trò chơi đánh cờ bãi, trong đèn khói hương nghi ngút, cung đàn tiếng bát om sòm.

Dưới sông thuyền hơi như lá tre. Lúc ấy vào 4 giờ chiều, chúng tôi xuống thuyền xuôi qua bến dò Vật, qua cái cầu si măng, đến đền Đồng-kỷ

Đền Đồng-kỷ

Thuộc huyện Đông-quan, ở đây người ta nói là đền thờ mẫu Thoải, sản đền sát bờ sông, có lối sau xuống đền làng Yên-vị.

Đền Yên-vị

Đền này cũng ngoảnh mặt trông xuống sông như đền Đồng-kỷ; người ta nói thờ mẫu thượng, nhưng ký-giả xem ra là thờ công đồng cả, đây cũng thuộc huyện Đông-quan. Trước có quan Tuần Phạm-vân-Thụ cung tiền một đôi câu đối và bức hoành-phi có bốn chữ: Nam-hải từ vân 南海慈雲.

Lúc ấy 5 giờ chiều giời mát mẻ, con thuyền một giây kéo ngược lên bến dò Vật là ngõ đền chính, gần đấy có đền quan Hoàng-Bát.

Đền quan Hoàng-Bát

Bên dưới bến dò Vật, có đền quan Hoàng-Bát, ở bên người ta mới lập cái lầu thờ cô. Đền cũng thuộc làng Đào-dộng.

* *

Chúng tôi lại xuống thuyền chở lên đở ngay cửa đền chính. Bảy giờ giời gần tối, thấy các làng gần đấy trẻ con rước đèn, múa sư tử, hát trống quân. Khi vào đền chính, chúng tôi mượn cái phòng đề nghị, tối xem người ta ngồi đồng xuốt đêm, hết người này đến người khác, pháo nổ vang giời, trống phách giầy đất, đèn đuốc sáng như sao sa.

* *

Ngày 22 (19 Septembre) sáng gần 6 giờ, chúng tôi khởi hành lên ô-tô về Ninh-giang, nhân vào bài yết các đền gần đền Đức vua, đấy có đền Nhà Bà, đền Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam hoàng tử đều thuộc làng Đào-dộng cả.

Trong 10 quan hoàng duy có đền quan Hoàng Đệ Nhất ở bên kia sông thuộc huyện Quỳnh-côi, còn thì ở bến dò Vật này cả. Tỉnh quan hoàng Cả bên đền Chính, lại có đền thờ gần đường

đi nữa, quan hoàng Tám lại có đèn vọng ở Tuấn-Lãnh thuộc huyện Duy-tiên Hà-nam. Quan hoàng Tứ ở hầu đức Vua-cha không có đèn thờ riêng. Đèn thờ quan hoàng Ngũ tại Tuấn-Chanh ở Ninh-giang. Ký giả sắp đưa độc giả đi tới dưới đây.

Ba huyện Phụ-dực, Quỳnh-côi, Đông-quan, có thể tin rằng đất ấy thời Hùng-vương đã có. Mà ở sát nơi bề. Nay duy có huyện Thụy-anh, Thanh-quan ở hiện bề là đất mới bồi thời Lý, Trần đến nay.

Nhân vật

Phạm đã bước chân đến xứ nao, trước nhất khảo cứu đến nhân vật xứ ấy. Huyện Phụ-dực khoa bảng hơn cả, thứ đến Thanh-quan, thứ nữa đến Đông-quan, đến Thụy-anh, đến Quỳnh-côi.

Công nghệ

Ngũ giồng cói dễ dệt chiếu, đan bồm, rô, bị, người ta đương lo nghề giồng cói gặp nạn kinh tế này bán không chạy. Quan Thống-sứ Tholance để tâm đến việc đó, đi đến tận nơi xem xét tình hình dân giồng cói để nghĩ cách chế ra khuôn quay vật dụng gì cho dân giồng cói được nhờ.

Ở đây lại có nghề giồng dầu nuôi tằm dệt cửu, lụa ta, thường có đàn bội nào người ta đem đến bán cho đất hàng, tỉnh Thái có sở quay tơ.

Lang Bạch-tĩnh, huyện Thụy-anh xưa giồng thuốc lao tiền lang Đông-sâm làm thợ bạc ; lụa làng Nguyễn niệm có tiếng ta lụa tốt ; ấy đại-khải công nghệ vùng này.

Nhân gặp mấy vị tăng, chúng tôi hỏi truyện đến hội Phật-giáo tỉnh Thái, các vị cho hay rằng : chỉ hội Phật-giáo ở đây hội-quần tại chùa Kỳ-bá, tỉnh lý, nhờ được quan thượng Vi có lòng sớ sáng mới chóng thành-tựu.



Đền Bơi

Sau giờ rưỡi xe đến Đại-dinh, tiếng nôm là đền Bơi, cạnh bên đường đi qua, trên nóc đình có biển đề ba chữ « Phật-vân-dinh 佛雲亭, cách đền chính chừng ba cây số, hôm qua rước tự đền chính ra đây. Ngoài đại-bái dân sớ tại mới làm, có mấy bức cửa võng to sơn son thếp vàng đẹp lắm. Đền làm hình chữ tam, cũng thờ đức Vua-cha Bát-hải : trừ đền Chính

ra, so với các đền khác, đền này cũng liệt vào hạng to-lát ; trước cửa có chỗ đỡ xe tay, xe hơi, hàng quán buôn bán, người đứng trước cửa đền đông nghịt thành ra một đám rừng người.

Hai bên cánh đồng lúa đang thì con gái mươn mướt như đám mây, làn nước mùa thu trong vắt như gương sáng, Thái-bình, Hải-dương, Nam-dịnh là ba tỉnh nhiều ruộng nhất Bắc-kỳ.

Đền Tuần Chanh

Quay xe về qua dò Hạ sang dò Nhống là sông Chanh tức là một chi con sông Thái-bình. Tự dò Nhống thẳng phố Ninh-tĩnh vào cửa Tam-quan đền Tuần-Chanh.

Biên đề có chữ « Sắc phong thượng đẳng đệ ngũ vương quan » là cờ đề chữ « Ninh giang linh từ » là đền quan Hoàng-ngũ thiêng nhất phủ Ninh-giang. Đền làm nội công ngoại quốc, bốn mái có nóc đao, giải-vũ hai bên vòng như cánh. cung làm nhà chứa khách đến chiêm-bái, chung quanh ba mặt đồng lúa bạc, cửa đền là đường quan-lộ.

Cửa sông đầu đó phụng thờ,

Đức ông lại nổi đền thờ Tuần chanh.

Hội đền Tuần-Chanh hàng năm về khoảng từ 11 đến 20 tháng hai, những khách đi đền Bát-hải về đây chiêm-bái đông như đám hội, hàng quán la-liệt, nhân tiện chúng tôi bạch sự Cụ về chuyện chi hội Phật-giáo tỉnh Hải-dương, người có nói rằng : Bần-đạo có vào hội, nhưng không giữ việc gì vì tuổi già không được khỏe.

Chơi phố Ninh-giang

Ký giả thuê một bào xe đi chơi quanh phố. Phủ ấy có 5 phố, khởi đi từ phố Ninh-lãng, có đền Quan-Hoàng Dệ-tam, và chùa Tân-hưng, chúng tôi vào chùa văn cảnh, qua đền thờ vọng Quan-Hoàng Dệ-thất, có đền Công-dồng, đền Mẫu bên tay phải ; Thiên-thai bi-viện là chỗ mua vui của nhân-dân phố Ninh-giang.

Đến phố Ninh-thái, đầu phố có dinh quan Đại-lý, tỉnh E ông có ba tòa Đại-lý, đồn Ân-lưu, huyện Đông-triều, và phủ Ninh-giang đây

Đến phố buôn bán sầm-uất của người Hoa-kiều, tên phố là Ninh-hoa, phố gần sát bờ sông Chanh, có lầu Cô, có nhà hội-quán của khách chú, qua nhà giấy thép, tiếp đến sở Đoàn.

Ra phố Ninh-thịnh là công phủ lý, chỗ ấy là đường lên Hưng-yên

Đến phố có chợ nên đặt tên là Ninh-thị, lại quanh lại phố Ninh-lãng mua chè tàu của một hiệu Hoa-kiều, lại về phố Ninh-lĩnh, gần đấy có đền thờ vọng Cô chín-giếng, là thẳng vào cửa tam-quan đền Tuần-Chanh.

Khảo đến phong thổ vùng này

Phủ Ninh-giang xưa là phủ Hạ-hồng, kiêm 1ạt huyện ở phía nam tỉnh Hải-duong, địa-thế rộng rãi, không biếm trở núi rừng, vật lực phủ ấy rất thịnh, có huyện Tứ-kỳ là hơn; khoa-mục phát-dạt có huyện Gia-lộc, huyện Tứ-kỳ là nhiều, huyện Vinh-bảo mới tách ra đặt thêm, rùa ăn quả huyện Tứ-kỳ rất nhiều. Làng Hồng-lễ và Liễu-chàng huyện Gia-lộc có nghề khắc ván chữ in kinh sách rất khéo. Làng Đào-lâm và Trúc-lâm huyện Tứ-kỳ thợ đóng giép khâu giấy lành nghề. Nói đến nhân-vật : quan Trạng-Trình làng Cổ-am huyện Vinh-lại, hiền danh thiên-cổ ; ông Vũ-khâm-Lân làng Ngọc-nặc (Tứ-kỳ) có tài đánh giặc ; ông Tiến-sĩ Phạm-Dĩnh-Trọng có công bình giặc Hồ ; ông sư Huyền-châu chùa Quang-minh làng Hậu-hồng (Gia-lộc) sau sinh làm vua Khang-hi nước Tàu, là ông vua đời thịnh-trị nhất nhà Mãn-thanh ; thân làng Hạ-phôi (Gia-lộc) làm gia-tướng đức Trần Hưng-Đạo, lặn xuống sông đục tàu quân Mông-cổ chìm hết ; thực là danh-nho, lương-tướng chẳng thiếu gì người.

Chúng tôi tự đền Tuần-Chanh Ninh-giang theo con đường Cầm-giăng qua bến dò Mía trở về, đến Phú-thị tạt vào chùa Vo, có sư ông Hoàng-thanh-Việt ra đón tiếp, nhân lúc tham-thiền, chúng tôi hỏi đến người đã vào hội Phật-giáo chưa. Người trả lời rằng, Bần-lãng vào hội Phật-giáo Trung-ương khi mới thành-lập. Chúng tôi ngỏ với người rằng : nếu người vào hội Trung-ương tức là bên này cũng có tên đó, đầu vào ở Trung-ương, rồi ở tỉnh nào lại đến chi hội tỉnh ấy mà họp bàn.

Chúng tôi lên xe về phố Ái-mộ nghỉ ngơi một chút, lại thẳng đến đền Chư-vị Thánh-mẫu, chùa Trường-tín Hà-nội, giữ lễ đi trình về tạ. Đền này thờ đức chúa Liễu-hạnh là đệ-nhất chúa-tiên ; Thượng-ngân phát tích tại Đông-cuông, Tam-cờ, Tuyên-quang, là đệ-nhị chúa-tiên, Thủy-cung thánh-mẫu là đệ tam chúa tiên, người ta gọi ba vị ấy là Tam-tòa thánh-mẫu. Chúng tôi tham bái rồi, ai về nhà ấy vừa 5 giờ chiều.

Lễ khánh-thành ban Đại-lý hội Phật-giáo Phủ Nam-sách

Hôm mồng 4 tháng chạp năm Ất-hợi ban Đại-lý hội Phật-giáo phủ Nam-sách làm lễ khánh thành đặt hội-quán tại chùa Phúc-lâm sở tại Phủ-lý Nam-sách. Ban trị-sự sốt-sắng làm việc từ hai tháng trước và nhờ có quan tri-phủ Nguyễn-văn-Diện đôn đốc dân sở tại, nên lễ làm long trọng lắm. Ban trung-ương vì bận nhiều việc nên chỉ cử được có hai vị xuống chứng kiến, nhưng may có 2 ban trị-sự Hải-dương và Kiến-an và quan Chánh-án Kiến-an Nguyễn-huy-Xương đến dự nên cũng phu công tổ-chức và lòng nguyện-vọng.

Từ 6 giờ sáng đã làm lễ Phật rồi đi rước kinh. Hội-viên khéo chiêu-tập phù-giá và tự đi dốc xuất, nên mọi việc rước sách có trật-tự lắm. Kinh đang rước về, thì ở chùa Hội-quán bắt đầu mở hội đồng, ông Quản-lý là Phạm-tất-Thắng, trưởng-giáo trưởng kiêm-bị phủ Nam-sách đọc diễn-văn khai mạc, kể đến cụ Cử Dương-bá-trạc thay mặt Trung-ương diễn thuyết, rồi cụ Án Nguyễn-huy-Xương cũng nói lời chúc mừng chi hội được thịnh-đạt. Sau cùng có bầu lại ban trị-sự như sau này:

Chánh Đại-biểu bên tại gia: Cụ Nguyễn-tăng-Sanh, quản-lý đồn điền vạn tải.

Phó Đại-biểu bên tại gia: Ông Trần-văn-Mai, chánh Tổng tổng Trác-châu (sở tại).

Chánh Đại-biểu bên Tăng: Sư Cụ Nguyễn-văn-Đề, tăng trưởng chùa An-dông.

Quản-lý Phạm-tất-Thắng giáo học, trưởng giáo trường Nam-sách

Chánh Thư-ký: Ông Lê-dức-Nhượng nguyên giáo học
Phó Thư-ký: ông Trần-duy-Phu và ông Nguyễn-dăng-Thân, cựu sinh viên.

Chánh Thủ-quỹ: ông Đoàn-văn-Đoài, điền chủ

Phó Thủ-quỹ: ông Nguyễn-trọng-Phúc, điền-chủ.

Kiểm sát: ông Nguyễn-văn-Quý, nguyên hội-viên.

Ông Nguyễn-như-Lang Lý-trưởng, ông Phạm-hữu-Thiều, Lý-trưởng, ông Trần-duy-Roãn Phó tổng, và ông Trần-ngọc-Cần ty rước.

Buổi hôm ấy thật là một ngày đại hội về đạo Phật mới có lần thứ nhất tại đất Chợ-Huyện Thanh-Lâm vậy.

Chi hội Phật-giáo Haiphong làm lễ chúc mừng Hoàng-tử Bảo-Long

Hồi 3 giờ chiều hôm 9 Février chi hội Phật-giáo Haiphong đã làm lễ chúc mừng Hoàng-tử Bảo-long mới đản sinh tại chùa Dur-hàng, có quan hội-trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ S. E. Nguyễn-năng-Quốc và sư cụ chùa Sở đại biểu hội Trung-ương ở Hanoi xuống dự lễ.

Lễ mừng Hoàng-tử đản sinh tuy cử hành một cách đơn giản nhưng có vẻ tôn nghiêm. Đúng giờ như chương trình đã định, chuông trống trong chùa nổi hiệu, các nhà sư vào trước ban thờ Phật tụng niệm, ban đồng ấu hát bài chúc mừng Hoàng-tử rồi các hội-viên hội Phật-giáo lần lượt vào lễ.

Rồi ông Chánh đại-biểu Haiphong Tô-văn-Lượng diễn-thuyết trước Phật-dài, ông tán dương công đức đạo Phật. Quan Hiệp-tá Nguyễn-năng-Quốc cũng ứng khẩu nói qua về sự ích lợi của đạo Phật và khuyên các tín đồ nên dốc lòng theo đạo.

Mãi đến gần 5 giờ, cuộc nói chuyện mới xong.

Bài ca ban đồng-ấu Haiphong chúc-tụng Hoàng-tử đản-sinh

Quốc triều khai sáng,
Chải mấy nghìn niên,
Dân thịnh nước yên,
Tỏi hiền chùa sáng.
Bề yên sóng lặng,
Mưa thuận gió hòa.
Thụy ứng tam đa,
Trường trình ngũ phúc.
Phong đăng hòa cốc,
Lợi lạc dân sinh.
Thiên-hạ thái bình,
Âu ca cổ vũ.
Trong nhà Bảo-Hộ,
Trên có Hoàng-triều.

Đức Thuần nhân Nghiêu,
Con Rồng cháu Phụng,
Đương-kim Hoàng-Thượng,
Thánh-chúa Minh-quân.
Xuống đức gia ân,
Kén tài bổ chức
Tài bồi âm đức,
Giới xuống phúc lành.
Hoàng-Tử đản sinh,
Minh quân xuất thế.
Lưu truyền thế hệ,
Vạn-đại Đế-Vương.
Quốc phú binh cường,
Nhân hòa địa lợi.

Đền ơn Phú-Tái,
Kính tạ Phật Giới
Thái-hậu cao ngời,
Ân ban lễ phẩm.
Cung trầm Long sáp,
Dâng cúng Phật-Đài.
Phụng coi khâm sai
Hội tạ phụng lễ.
Nay trên hội chính.
Ban phát địa-phương.
Bảo sáp trầm hương,
Đàng lên hiến cúng.
Hội viên hợp tụng,
Thiện tín thập phương.

Trước cửa Phật đường,
Đồng thau chúc hồ.
Hoàng-triều Quốc Tộ,
Ngọc-bê kim áo.
Miền viễn dài lâu,
Rối truyền vạn thế.
Chúc mừng Hoàng-Tử
Tráng-khien khang ninh,
Lạc đất cung đình,
Hoan hô thành thị.
Chúng tôi ấu trĩ.
Lạy Phật chúc mừng
Hoàng-Tử khang cường,
Thành-cung vạn tuế!

n đại-lý nội Phật-giáo Hưng-yên

hội-viên Tăng ở địa-phương Hưng-yên là Sư-ông
am-văn-Ôn Pháp-danh Thanh-tứ 42 tuổi, vô-trụ, nguyên
quan ở xã Nhân-dục tổng An-tảo huyện Kim-động đã tạ
thế ngày 14 tháng giêng annam (6/2/36) ở chùa Diêu xã
An-tảo cách hội-quán ước 5 kilômétres, dân Nhân-dục yêu
cầu đem về táng tại nguyên quán. Đám ma đưa Sư-ông
Tứ từ chùa Diêu xã An-tảo về nghĩa-trang xã Nhân-dục, có
đồng chủ-tăng, và các hội-viên trong địa-phương đi hộ-
niệm, các dân-lin lại phát tâm giúp thêm tiền. Tổng táng
xong bài vị đã thờ ở Hội-quán địa-phương.

Khi Sư-ông Thanh Tứ bệnh, Tăng-giới đã cấp tiền thuốc
thang, nay Sư-ông còn mẹ già, chủ-tăng sẽ đem về hội-quán
chợ cấp cho.

Cài chính. — Số 9 trang 13 bài tán-văn chữ Hán, thợ
nhà in xếp lẫn mất mấy chữ Hán, xin cải chính như sau này:

Giòng thứ 4 dưới chữ 何 mất một chữ 以.

Giòng thứ 6 ở đầu giòng thừa 2 chữ 著繁

Giòng thứ 7 ở đầu giòng thừa hai chữ 花 萬.

Giòng thứ 8 ở đầu giòng 2 chữ 佛教 đời là 著繁.

Giòng thứ 9 ở đầu giòng 2 chữ 功德 đời là 花 萬.

Giòng thứ 10 ở đầu giòng mất 2 chữ 佛教, ở cuối giòng
mất 2 chữ 功德.